

Số: 50 /QĐ-UBND

Thị trấn An Lão, ngày 19 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN AN LÃO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO thị trấn An Lão.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Ban chỉ đạo ISO, các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND huyện (báo cáo);
- Các thành viên BCD ISO;
- Lưu: VT, QA.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Lực

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND THỊ TRẤN AN LÃO
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số:50 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão)

STT	Tên lĩnh vực	Mã quy trình
TÀI LIỆU CHUNG		
1.	Chính sách chất lượng	CSCL
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL
3.	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MHHT
4.	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01
5.	Hướng dẫn kiểm soát rủi ro	HD.02
6.	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03
7.	Hướng dẫn kiểm sự không phù hợp, hành động khắc phục	HD.04
8.	Hướng dẫn xem xét lãnh đạo	HD.05
9.	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	QT.MC.01
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO – GIA ĐÌNH		
11.	Thông báo tổ chức lễ hội	QT.VH.01
12.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QT.VH.02
13.	Xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	QT.VH.03
14.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	QT.VH.04
15.	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.VH.05
16.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	QT.VH.06
17.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	QT.VH.07
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT		
18.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT.NN.01

19.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã	QT.NN.02
20.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND xã	QT.NN.03
21.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.NN.04
22.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QT.NN.05
23.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT.NN.06
24.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT.NN.07
25.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT.NN.08
26.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.NN.09
27.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.NN.10
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		
28.	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TN.01
29.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT.TN.02
30.	Tham vấn trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường	QT.TN.03
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC NỘI VỤ		
31.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT.NV.01
32.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT.NV.02
33.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.NV.03
34.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.NV.04

35.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.NV.05
36.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.NV.06
37.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT.NV.07
38.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT.NV.08
39.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.NV.09
40.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.NV.10
41.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.NV.11
42.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT.NV.12
43.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT.NV.13
44.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT.NV.14
45.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.NV.15
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TB&XH		
46.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.LĐ.01
47.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT.LĐ.02
48.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.LĐ.03
49.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.LĐ.04
50.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT.LĐ.05
51.	Trợ giúp xã hội đợt xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.LĐ.06
52.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn	QT.LĐ.07

	2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	
53.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT.LĐ.08
54.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo phát sinh trong năm	QT.LĐ.09
55.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.LĐ.10
56.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT.LĐ.11
57.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QT.LĐ. 12
58.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.LĐ.13
59.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.LĐ.14
60.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.LĐ.15
61.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.LĐ.16
62.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.LĐ.17
63.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.LĐ.18
64.	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19	QT.LĐ.19
65.	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT.LĐ.20
66.	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc do Covid 19	QT.LĐ.21
Thêm	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	
Thêm	Cấp giấy xác nhận nhân thân người có công	
67.	Cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người	QT.LĐ.22

bỏ	làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	
68. bỏ	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	QT.LĐ.23
QUY TRÌNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
69.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT.GD.01
70.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT. GD .02
71.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT. GD .03
72.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT. GD .04
73.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT. GD .05
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI		
74.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.GT.01
75.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.GT.02
76.	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.GT.03
77.	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.GT.04
78.	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.GT.05
79.	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.GT.06
80.	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.GT.07

81.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.GT.08
82.	Xóa đăng ký phương tiện	QT.GT.09
83.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.GT.10
84.	Xác nhận việc trình kháng nghị đối với tàu biển, tàu công vụ, giàn di động, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB	QT.GT.11
85.	Xác nhận việc trình kháng nghị đối phương tiện thủy nội địa, tàu cá (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)	QT.GT.12
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC THANH TRA, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, TIẾP CÔNG DÂN		
86.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.TT.01
87.	Giải quyết tố cáo	QT.TT.02
88.	Tiếp công dân	QT.TT.03
89.	Xử lý đơn thư	QT.TT.04
90.	Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập/công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	QT.TT.05
91.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.TT.06
92.	Thực hiện việc giải trình	QT.TT.07
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP – HỘ TỊCH		
93.	Đăng ký khai sinh	QT.TP.01
94.	Đăng ký kết hôn	QT.TP.02
95.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.TP.03
96.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.TP.04
97.	Đăng ký khai tử	QT.TP.05
98.	Đăng ký khai sinh lưu động	QT.TP.06
99.	Đăng ký kết hôn lưu động	QT.TP.07
100.	Đăng ký khai tử lưu động	QT.TP.08
101.	Đăng ký giám hộ	QT.TP.09
102.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.TP.10
103.	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT.TP.11

104.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.TP.12
105.	Đăng ký lại khai sinh	QT.TP.13
106.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.14
107.	Đăng ký lại kết hôn	QT.TP.15
108.	Đăng ký lại khai tử	QT.TP.16
109. bỏ	Đăng ký khai sinh kết hợp lập hồ sơ cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	QT.TP.17
110. bỏ	Đăng ký khai sinh kết hợp lập hồ sơ đăng ký thường trú, hồ sơ cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	QT.TP.18
	Phục hồi danh dự (chưa có)	
111.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.19
112.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.TP.20
113.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TP.21
114.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP.22
115.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.23
116.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT.TP.24
117.	Chứng thực di chúc	QT.TP.25
118.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.TP.26
119.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TP.27
120.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TP.28
121.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.TP.29
122.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.TP.30
123.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú tại khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.TP.31

124.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TP.32
125.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP.33
126.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.TP.34
127.	Xác nhận thông tin hộ tịch	QT.TP.35
CÁC QUY TRÌNH LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ		
128.	Thông báo thành lập tổ hợp tác xã NN	QT.KH.01
129.	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác NN	QT.KH.02
130.	Thông báo thay đổi tổ hợp tác NN	QT.KH.03